

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (đợt 7, đợt 8)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 110/TTr-HĐBT ngày 24/7/2023; ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại: Tờ trình số 1032/TTr-STNMT ngày 24/8/2023 và Công văn số 3136/STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (đợt 7, đợt 8) với các nội dung như sau:

1. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Tổng giá trị hỗ trợ bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB là **9.980.533.177 đồng** (Bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng, năm trăm ba mươi ba ngàn, một trăm bảy mươi bảy đồng); trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 9.784.836.448 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB : 195.696.729 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định là 19.570.000 đồng; đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 13.699.000 đồng)

Nguồn vốn chi trả: Ngân sách nhà nước.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này)

Theo đó, điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt đối với các hộ gia đình sau đây:

- Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Thanh Trị, vợ Nguyễn Thị Thanh Tâm là 3.497.071.194 đồng, chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là 69.941.424 đồng và chi phí dự phòng cưỡng chế là 6.994.142 đồng đã được phê duyệt tại Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 (Tổng giá trị điều chỉnh giảm là 3.574.006.760 đồng).

- Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của Hộ Huỳnh Kim Ích, Huỳnh Thị Thu Thúy, Huỳnh Thị Minh Kiều và Nguyễn Thị Ái Nhân là 3.627.724.116 đồng, chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là 72.554.482 đồng và chi phí dự phòng cưỡng chế là 7.255.448 đồng đã được phê duyệt tại Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 25/12/2022 (Tổng giá trị điều chỉnh giảm là 3.707.534.046 đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư:

Bố trí 01 lô đất ở tái định cư tại Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng cho 01 hộ gia đình với diện tích là 100m²; tiền sử dụng đất hộ gia đình phải nộp là 304.000.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 và Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 25/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

lon

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục 1
BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ DO GPMB
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BD	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
1	Nguyễn Thanh Tri, vợ Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	54 +518 +517	1	ODT+BHK	870,8	167,23	703,57	0,0	802.884.315	1.040.240.410	166.443.500	237.291.360	825.000.000	63.748.000	3.135.607.585
2	Nguyễn Đức Huy, vợ Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	516	1	ODT+BHK	169,3	80,00	89,30	0,0	263.841.000	350.460.484	6.626.000	5.567.760	147.345.000	68.212.000	842.052.244
3	Huỳnh Kim Ích, vợ Lê Thị Nguyệt	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	85 +489	1	CLN	2.040,0	80,00	1.960,0	0,0	956.000.000	763.248.211	216.260.000	827.860.200	825.000.000	54.820.000	3.643.188.411
4	Huỳnh Hậu, cháu Huỳnh Thị Thu Thúy	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	490	1	CLN	566,7	0,00	0,00	566,7	83.871.600	598.644.181	166.493.000	166.140.360	0	22.856.000	1.038.005.141
5	Huỳnh Thị Minh Kiều	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	450 +101	1	CLN+BHK	174,1	0,00	0,00	174,1	25.766.800	40.052.574	6.209.000	0	0	0	72.028.374
6	Đào Văn Hôn, Đào Văn Hoàng, Đào Thị Kiều Quy, Đào Thị Tâm, Đào Thị Kim Lập	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									125.055.517					125.055.517
7	Đào Tấn Công (chết), vợ Lê Thị Trường	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng									40.471.438					40.471.438
8	Đào Văn Hoàng, vợ Ngô Thị Lệ Hoa	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									62.335.265					62.335.265
9	Nguyễn Thị Thu Hiền, chồng Ung Thanh Hoàng	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									59.693.771					59.693.771

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
10	Đình Văn Bình, vợ Trần Thị Lan	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									15.952.555					15.952.555
11	Đình Chư (chết), con Đình Văn Trung, Đình Văn Minh	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									276.408.210					276.408.210
12	Trần Thị Ngãi (chết), cháu Trần Đình Trọng	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng									25.383.336					25.383.336
13	Võ Chưa (chết), vợ Đào Thị Hồng Ân	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng									260.977.196					260.977.196
14	Nguyễn Thị Hồng Thanh, con Bùi Thị Ánh Diệp	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng									41.243.970					41.243.970
15	Nguyễn Văn Đệ	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng									127.446.222					127.446.222
16	Lê Văn Chanh	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									2.139.215					2.139.215
17	Nguyễn Văn Tư (chết), vợ Phạm Thị Hồng Liên	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng									16.848.000					16.848.000
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					3.820,9	327,2	2.752,9	740,8	2.132.363.715	3.846.600.553	562.031.500	1.236.859.680	1.797.345.000	209.636.000	9.784.836.448
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB 2% (A) x 2%															195.696.729
C	Tổng cộng: (A) + (B)															9.980.533.177

REN

Phụ lục 2
BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định))

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng (năm 2020)				Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm (đồng)
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi giảm (m ²)	
I	Tại Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 13/12/2022						
	Nguyễn Thanh Trị, vợ Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	54+516+517+518	1	ODT+BHK	1.040,1	3.497.071.194
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm						3.497.071.194
B	Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A) x 2%						69.941.424
C	Giảm chi phí dự phòng cưỡng chế: (B) x 10%						6.994.142
	Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (A)+(B)+ (C)						3.574.006.760
II	Tại Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 25/12/2022						
	Huỳnh Kim Ích, Huỳnh Thị Thu Thúy, Nguyễn Thị Ái Nhân và Huỳnh Thị Minh Kiều	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	85+480+489+450	1	CLN	3.537,4	3.627.724.116
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm						3.627.724.116
B	Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A) x 2%						72.554.482
C	Giảm chi phí dự phòng cưỡng chế: (B) x 10%						7.255.448
	Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (A)+(B)+ (C)						3.707.534.046

RM

Phụ lục 3
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO 01 HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m2)				Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất TĐC bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Diện tích giao đất TĐC vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)						
							(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)x(6)+(7)x(8)	
1	Nguyễn Đức Huy, vợ Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	80,0	89,3	0,0	169,3	42	TCD-05	Số 6 (15m)	100,00	80,00	2.700.000	20,00	4.400.000	304.000.000	Khu Tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa

RM